

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Văn hóa; Chuyên ngành: Văn hóa học

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Đặng Hoài Giang

2. Ngày tháng năm sinh: 05/09/1986; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Đức Hương – Vũ Quang – Hà Tĩnh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xóm Hương Thọ - Xã Đức Hương – Huyện Vũ Quang – Tỉnh Hà Tĩnh.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Việt Nam học & Tiếng Việt, số 75 Trần Đại Nghĩa, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: .....; Điện thoại di động: 0984084468;

E-mail: hoaigiang@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 1 tháng 9 năm 2009 đến 31 tháng 12 năm 2013: Nghiên cứu viên & Điều phối viên của Viện Tư vấn phát triển

Từ 10 tháng 8 năm 2016 đến nay: Giảng viên, Khoa Việt Nam học & Tiếng Việt, Trường Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Từ 10 tháng 10 năm 2019 đến 5 tháng 1 năm 2021: Trưởng Bộ môn Lịch sử và Văn hóa Việt Nam, Khoa Việt Nam học & Tiếng Việt, Trường Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 10 năm 2022: Bí thư chi bộ Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
Từ 20 tháng 7 năm 2022 đến nay: Trưởng Bộ môn Văn hóa và Nghệ thuật Việt Nam, Khoa  
Việt Nam học & Tiếng Việt, Trường Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn, Bí Thư  
chi bộ.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Việt Nam học & Tiếng Việt, Trường Đại học Khoa học  
Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: số 75 Trần Đại Nghĩa, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 0243.8694323

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại  
học Quốc gia Hà Nội

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ..... năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết  
hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 6 năm 2008; số văn bằng: QC 059041; ngành: Lịch  
sử, chuyên ngành: Lịch sử; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học  
Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....;  
chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): .....

- Được cấp bằng TS ngày 29 tháng 6 năm 2016; số văn bằng: 006098; ngành: Văn hóa  
học; chuyên ngành: Văn hóa học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Văn hóa Nghệ  
thuật quốc gia Việt Nam, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....;  
chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... ,  
ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học  
Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Văn hóa

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nhận diện tính đặc thù của các vùng văn hóa Việt Nam từ hướng tiếp cận liên ngành.

- Không gian làng: truyền thống, biến đổi và những thách thức đặt ra trong bối cảnh đô  
thị hóa.

- Thức nhận về văn hóa Việt Nam: các quan điểm lý thuyết, những vấn đề lịch sử và  
đương đại.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) ..... NCS bảo vệ thành công luận án TS;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã hướng dẫn (số lượng) 06 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02, trong đó có 01 đề tài **cấp cơ sở**, và 01 đề tài cấp **Đại học Quốc gia Hà Nội**;

- Đã công bố (số lượng) 32 bài báo khoa học, trong đó có 03 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (trong đó có 01 bài báo thuộc danh mục WoS (ESCI); 01 bài báo thuộc danh mục SCOPUS, Q1; 01 bài báo thuộc danh mục SCOPUS, Q2);

- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản: 02 (01 chuyên khảo viết một mình - là xuất bản phẩm do Nhà nước đặt hàng, 01 chuyên khảo viết chung), trong đó 02 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): .....

- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn dành cho Cán bộ giảng dạy đạt nhiều thành tích trong các năm học 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019, 2020-2021, 2022-2023;

- Giấy khen của Ban chấp hành Đoàn Đại học Quốc gia Hà Nội cho cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2017-2018;

- Giấy khen của Đảng ủy Trường Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia Hà Nội dành cho Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021.

- Bằng khen của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội dành nhà khoa học đạt thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo năm 2023.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): .....

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi tự đánh giá là bản thân đã hoàn thành tốt các công việc theo tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo. Cụ thể như sau:

Về phẩm chất chính trị, tôi luôn gương mẫu, chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, chấp hành nghiêm túc điều lệ, quy chế, nội quy của cơ quan, đơn vị.

Về đạo đức lối sống, tôi có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống, tác phong, lễ lối làm việc chuẩn mực, lành mạnh. Tôi luôn có ý thức giữ gìn đạo đức nghiêm túc, đúng chuẩn mực của nhà giáo trong đơn vị công tác, thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nghề nghiệp.

Tôi luôn trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn.

Khi thực hiện các nhiệm vụ được giao, tôi luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao và nỗ lực để hoàn thành với kết quả tốt nhất.

Tôi có sức khỏe tốt đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, và các hoạt động chuyên môn khác.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước Về năng lực chuyên môn, nghề nghiệp, trong hoạt động đào tạo, tôi luôn vượt mức giờ chuẩn theo chức danh giảng viên. Trong tất cả các phản hồi đánh giá của người học, hoạt động giảng dạy của tôi đều được đánh giá ở mức xuất sắc.

Tôi luôn chủ động trong công việc, có khả năng sư phạm, luôn có ý thức học hỏi để đổi mới phương pháp giảng dạy. Tôi tham gia đầy đủ các hoạt động đào tạo khác như hướng dẫn KLTN, hướng dẫn luận văn thạc sĩ, tham gia hội đồng chấm khóa luận, luận văn, luận án các cấp cũng như nhiều hoạt động hỗ trợ đào tạo khác.

Trong hoạt động nghiên cứu khoa học, tôi đã chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học với kết quả đạt chất lượng cao. Tôi đã nỗ lực công bố các nghiên cứu của mình trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín, và tham gia vào mạng lưới các nhà Việt Nam học toàn cầu.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 7 năm 10 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018	0	0	0	1	271.6	0	271.6/344.1/178.93
2	2018-2019	0	0	0	0	361	0	361/427/222.75
3	2020-2021	0	0	4	0	150	30	180/556/222.75
03 năm học cuối								
4	2021-2022	0	0	0	0	135	30	165/265.5/230
5	2022-2023	0	0	1	02	216	30	246/416/216
6	2023-2024	0	0	0	02	366	45	411/536.5/216

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: ..... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Đọc hiểu tài liệu chuyên môn, viết các bài báo chuyên môn, trình bày, thảo luận (nghe, nói) chuyên môn bằng tiếng Anh.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Sengsoulath Youbi		HVCH	X		2017-2019	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ số 1061/QĐ-XHNV ngày 24/6/2020. Ngày cấp bằng: Số hiệu bằng: QM 036691
2	Trần Đăng Dương		HVCH	X		2017-2019	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ số 700/QĐ-XHNV ngày 2/4/2021. Ngày cấp bằng: 28/6/2021 Số hiệu bằng QM 037771
3							Trường Đại học Khoa học Xã hội và	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	Vũ Thị Kim Chung		HVCH	X		2018-2020	Nhân văn, ĐHQGHN	số 700/QĐ-XHNV ngày 2/4/2021. Ngày cấp bằng: 28/6/2021 Số hiệu bằng QM 037770
4	Yoon Jeong Won		HVCH	X		2018-2020	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ số 1262/QĐ-XHNV ngày 18/6/2021. Ngày cấp bằng: 11/8/2021 Số hiệu bằng QM 038029
5	Nam Jangyeop		HVCH	X		2019-2021	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ số 2555/QĐ-XHNV ngày 26/11/2021. Ngày cấp bằng: 10/5/2022 Số hiệu bằng QM 038691
6	Koh Jong Hwan		HVCH	X		2020-2022	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN	Quyết định công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ số 55232/QĐ-XHNV ngày 28/8/2023. Ngày cấp bằng: 6/10/2013 Số hiệu bằng QM 041350

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT,	Nhà xuất bản và	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ	Xác nhận của cơ sở GDDH
----	----------	--------------------	-----------------	------------	----------	--------------------	-------------------------

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

		TK, HD)	năm xuất bản			trang ... đến (trang)	(số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Hướng tới phát triển bền vững Tây Nguyên	Chuyên khảo	Nxb Tri thức, 2014, ISBN: 978-05604-908-945-9	05	Đồng tác giả	Viết 04 chương, gồm: - Chương II (tr. 75 - 156) - Chương III (tr. 157 - 244) - Chương VI (tr. 401- 450) - Chương VII (tr. 445-513)	Giấy xác nhận số 2821/XHNV-ĐT của Hiệu trưởng Trường Đại học KHXH&NV, ngày 07/6/2024.
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Biến đổi không gian văn hóa buôn làng Ê Đê ở Buôn Ma Thuột từ sau 1975 đến nay	Chuyên khảo	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019, ISBN: 978-604-968-009-0	01	Chủ biên, tác giả duy nhất	Toàn bộ cuốn sách (291 trang)	Giấy xác nhận số 2821/XHNV-ĐT của Hiệu trưởng Trường Đại học KHXH&NV, ngày 07/6/2024.

Trong đó: Số lượng: 01 sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản mà ứng viên là chủ biên sau TS: 01 sách chuyên khảo viết một mình.

**Lưu ý:**

- Chi kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:**

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
	/	/	/	/	/
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu khả năng thích ứng của cộng đồng người Ê Đê đối với quá trình đô thị hóa	CN	Mã số: QG.19.27, Cấp quản lý: Đại học Quốc	2019-2021 (gia hạn đến 2023)	18.12.2023 Xếp loại: Tốt

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	ở thành phố Buôn Ma Thuột từ sau 1975 đến nay		gia Hà Nội		
2	Tây Nguyên qua cách nhìn của các học giả Việt Nam và quốc tế (từ nửa sau thế kỷ 19 đến nay)	CN	Mã số: CS.2024.15, Cấp quản lý: Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Hà Nội	2024-2025	15.6.2024 Xếp loại: xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Một nét cá tính làng xã Việt Nam truyền thống – nhìn từ hương ước	1	X	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á ISSN 0868-2739			Tập 95, số 2, tr. 75-77	2008
2	Theo dấu đô thị cổ Hà Tiên	1	X	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á ISSN 0868-2739			Tập 103, số 10, tr. 69-76	2008
3	Phạm Đức Dương: Từ văn hóa đến văn hóa học	1	X	Tạp chí Văn hóa nghệ thuật ISSN 0866-8655			Số 291, tr. 74-79.	2008
4	Quan hệ Hà Tiên – Thuận Hóa thời kỳ khai thiết đồng bằng miền Tây (từ đầu đến nửa sau thế kỷ	1	X	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á ISSN 0868-2739			Số 6, tập 123, tr. 72-76.	2010



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	XVIII)						
5	Trí thức Việt Nam: Nền tảng lịch sử và các vấn đề đặt ra	1	X	Tạp chí Tia sáng (Bộ Khoa học & Công nghệ)		Số 22-20.11.2011, tr. 14-17.	2011
6	Góp bàn vào việc phát triển bền vững cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên	1	X	Tạp chí KHXH Tây Nguyên ISSN 1859-4042		Số 1, tập 5, tr. 71-76.	2012
7	Tết cổ truyền và vấn đề tái tạo, phát triển vốn văn hóa nông thôn	1	X	Tạp chí Văn hóa Nghệ An		Số 212 + 213, tr. 4-6.	2012
8	Đói nghèo, bất bình đẳng và những thách thức đối với quá trình phát triển bền vững ở Tây Nguyên	2	X	Tạp chí KHXH Tây Nguyên ISSN 1859-4042		Số 1, tập 9, tr. 37-51.	2013
9	Vai trò của các thiết chế xã hội truyền thống và của già làng trong bối cảnh hiện tại ở cộng đồng các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên	2	X	Tạp chí KHXH Tây Nguyên ISSN 1859-4042		Số 1, tập 13, tr. 38-46.	2014
10	Từ không gian văn hóa đến không gian văn hóa tộc người	1	X	Tạp chí Văn hóa học ISSN 1859-4859		Số 3, tập 19, tr. 17-23.	2015
11	Biến đổi văn hóa của các dân tộc Tây Nguyên	1	X	Tạp chí Văn hóa nghệ thuật ISSN 0866-8655		Số 375, tr. 17-21.	2015

	trong bối cảnh chuyển đổi cấu trúc không gian buôn làng							
II	Sau khi được công nhận TS							
12	Biến đổi văn hóa: khái niệm và một số cách tiếp cận nghiên cứu	02	Tác giả phụ	Tạp chí Văn hóa học ISSN 1859-4859			Số 6, tập 34, tr. 23-11.	2017
13	Xác định diện mạo thành phố Buôn Ma Thuột: từ góc nhìn bản sắc đô thị	1	X	Tạp chí KHXH Tây Nguyên ISSN 1859-4042			Số 2, tập 34, tr. 16-27.	2019
14	Các xu hướng biến đổi không gian văn hóa buôn làng Ê Đê ở Buôn Ma Thuột trong bối cảnh hiện nay	1	X	Tạp chí KHXH Tây Nguyên ISSN 1859-4042			Số 2, tập 38, tr.39-50.	2020
15	The Change of Residential Space of Ede People at Buon Ma Thuot City after 1975 to now	1	X	VNU Journal of Social Sciences and Humanities <sup>1</sup> ISSN 2354-1172				2020
16	Biến đổi không gian thiêng của người Ê Đê ở Buôn Ma Thuột từ sau	1	X	Tạp chí Nghiên cứu văn hóa ISSN-0866-7667			Số 34, tr. 5-16.	2020

<sup>1</sup> Journal of Social Sciences and Humanities là tạp chí sử dụng phương thức phản biện kín (a double-blind peer-reviewed journal), xuất bản định kỳ, thuộc Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN. Đại học Quốc gia Hà Nội được xếp hạng trong nhóm 201 – 250 trong bảng xếp hạng các trường ĐH Châu Á năm 2020 theo Times Higher Education (THE ASIA) ([https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings/2020/regional-ranking#!/length/25/locations/VNM/sort\\_by/rank/sort\\_order/asc/cols/stats](https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings/2020/regional-ranking#!/length/25/locations/VNM/sort_by/rank/sort_order/asc/cols/stats)).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	1975 đến nay						
17	What is the Central Highlands Gong Space in Vietnam	1	X	Vietnamese Studies <sup>2</sup> ISSN 1859-0985		Số 1, tập 219, tr. 5-18.	2021
18	The Changes in Ede People's Livelihood from 1975 to Present	1	X	Vietnamese Studies <sup>3</sup> ISSN 1859-0985		Số 2, tập 220, tr. 21-50	2021
19	Bảo tồn không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên: một cách tiếp cận mới	1	X	Tạp chí Văn hóa học ISSN 1859-4859		Số 3, tập 55, tr. 48-56.	2021
20	Những khác biệt của phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam (1923-1951) trong bối cảnh Đông Á và Đông Nam Á	2	X	Tạp chí Nghiên cứu văn hóa ISSN-0866-7667		Số 36, tr. 73-81	2021
21	Digital Religion: Concept, Theoretical Perspective, and Practice in Vietnam	1	X	Vietnamese Studies <sup>4</sup> ISSN 1859-0985		Số 3, tập 221, tr. 99-112.	2021
22	Khái lược các quan điểm lý thuyết	2	X	Tạp chí Văn hóa học ISSN 1859-4859		Số 3, tập 61, tr. 24-31.	2022

<sup>2</sup> Vietnamese Studies (hoặc Etudes Vietnamiennes) là tạp chí có 2 phiên bản tiếng Anh và tiếng Pháp của Nxb Thế giới, được Hội đồng giáo sư liên ngành Sử học – Khảo cổ học – Dân tộc học cho tối đa 1 điểm (Theo QĐ số 22/QĐ-HĐGSNN ngày 5/7/2023).

<sup>3</sup> Vietnamese Studies (hoặc Etudes Vietnamiennes) là tạp chí có 2 phiên bản tiếng Anh và tiếng Pháp của Nxb Thế giới, được Hội đồng giáo sư liên ngành Sử học – Khảo cổ học – Dân tộc học cho tối đa 1 điểm (Theo QĐ số 22/QĐ-HĐGSNN ngày 5/7/2023).

<sup>4</sup> Vietnamese Studies (hoặc Etudes Vietnamiennes) là tạp chí có 2 phiên bản tiếng Anh và tiếng Pháp của Nxb Thế giới, được Hội đồng giáo sư liên ngành Sử học – Khảo cổ học – Dân tộc học cho tối đa 1 điểm (Theo QĐ số 22/QĐ-HĐGSNN ngày 5/7/2023).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	phương Tây về môi trường văn hóa gia đình							
23	Di sản của Léopold Cadière đối với ngành Việt Nam học	2	X	Tạp chí Văn hóa học ISSN 1859-4859			Số 3, tập 67, tr. 13-25.	2023
24	Preservation of the cultural space of the gongs in the Central Highlands: a new approach	1	X	Journal of Culture and Art Studies <sup>5</sup>			Số 1, tập 8, tr. 50-59.	2023
25	Challenges in conserving ethnic culture in urban spaces: Case of Ako Dhong village (Vietnam)	2	X	Cogent Social Sciences ISSN 23311886	SCOPUS Q2 CiteScore 2023: 2.1 CiteScoreTracker 2024: 1.8	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn): 03	Cogent Social Sciences, 9:1, 2233754, DOI: 10.1080/23311886.2023.2233754	2023
26	Between a Rock and a Hard Place: Controversies over Contested Intangible Heritage in Vietnam Seen from the Case Study of Lady Phi Yen	4	X	Millennial Asia ISSN 09763996, 23217081	SCOPUS Q1 CiteScore 2023: 4.5 CiteScoreTracker 2024: 2.7	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn): 01	Millennial Asia, 0(0). <a href="https://doi.org/10.1177/09763996231193203">https://doi.org/10.1177/09763996231193203</a>	2023
27	The Montagnard Village: Unique heritage of	1	X	The Russian Journal of Vietnamese Studies ISSN 2618-	WoS (ESCI) IF 2022: 0.1		The Russian Journal of Vietnamese Studies, 7 (4): 71-81	2024

<sup>5</sup> Journal of Culture and Art Studies là phiên bản tiếng Anh của tạp chí Văn hóa học (ISSN 1859-4859) – thuộc Viện Văn hóa & Nghệ thuật quốc gia Việt Nam. Tạp chí này mỗi năm xuất bản một số trên cơ sở chọn lọc những bài viết tiêu biểu đã được xuất bản trước đó trên tạp chí Văn hóa học.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	the Vietnamese Central Highlands			9453			DOI: 10.54631/VS. 2023.74- 623865	
28	Nghiên cứu và giảng dạy các vùng văn hóa Việt Nam trong bối cảnh đương đại: trường hợp vùng văn hóa Tây Nguyên	1	X	Tạp chí Văn hóa học ISSN 1859- 4859			Số 1, tập 71, tr. 78-90.	2024
29	Nghiên cứu làng của các tộc người tại chỗ vùng Tây Nguyên: quá trình, thành tựu, và những vấn đề bỏ ngõ	1	X	Tạp chí KHXH Tây Nguyên ISSN 1859- 4042			Số 1, tập 53, tr. 25-37.	2024
30	Đóng góp của các học giả dòng họ Nguyễn Đức Lục Chi (Hà Tĩnh) trong nghiên cứu văn hóa Tây Nguyên	1	X	Tạp chí Nghiên cứu văn hóa Việt Nam ISSN 3030- 4121			Số 2, tập 212, tr. 31-41.	2024
31	Tây Nguyên qua lăng kính của nhà văn hóa Nguyễn Ngọc	1	X	Tạp chí Nghiên cứu văn hóa ISSN-0866- 7667			Số 1, tập 47, 64-76.	2024
32	Từ “buôn văn hóa tiêu biểu” đến “buôn du lịch cộng đồng”: tiềm năng, cơ hội và thách thức đặt ra cho Ako Đông (Đắk Lắk)	1	X	Tạp chí Văn hóa nghệ thuật ISSN 0866- 8655			Số 572, tr.78- 81.	2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 03 [TT: 25, 26, 27]

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
 7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

#### 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

#### 7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2024

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



**Đặng Hoài Giang**